

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/TCDS - ST

Ngày: 19-8-2021

“V/v chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gấm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Phạm Thanh Sơn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:* Ông
Nguyễn Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST - TCDS ngày 14-11-2020 về
tranh chấp “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-7-2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T – sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm 2, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Phạm T – sinh năm 1970.

Trú tại: Đường 10, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị C – sinh năm 1960; trú tại: Tổ dân phố T, thôn M, phường
M, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

+ Ông Trần Quốc T; sinh năm 1938; trú tại: Đường 10, thôn T, xã L, huyện
V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh Trần Phạm T – sinh năm
1970; Trú tại: Đường 10, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Anh Trần Phạm T; sinh năm 1972; địa chỉ: K193/7 Trần Thái Tông,
phường A, Thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Trần Thị H; sinh năm 1974; Nơi cư trú trước khi bỏ đi: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú hiện nay: Không xác định được nơi cư trú hiện nay của chị H.

+ Anh Phạm Văn H; sinh năm 1958; trú tại: Số nhà 15b, tổ 12, phường D, quận C, T phố Hà Nội.

+ Anh Phạm Văn T; sinh năm 1961; trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Anh Phạm Văn D; sinh năm 1966; trú tại: Số nhà 365, đường T, phường T, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Phạm Thị G (tên gọi khác là Phạm Thị L); sinh năm 1962; trú tại: Xóm 2, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Chị Phạm Thị V; sinh năm 1957; trú tại: Xóm Đ, thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Phạm Văn H; sinh năm 1964; trú tại: Xóm 2, T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Chị Phạm Thị T, sinh năm 1961; trú tại: Chợ L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Chị Phạm Thị T; sinh năm 1970; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; trú tại: Xóm A, làng B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Chị Đoàn Thị Hoàng A, sinh năm 1973

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995

+ Cháu Phạm Thị Thu T, sinh năm 2007

Người đại diện theo pháp luật của cháu T là: Chị Đoàn Thị Hoàng A, sinh năm 1973.

Đều trú tại: Tổ 5, Khu C, phường P, thị xã U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn H, chị Phạm Thị V, chị Nguyễn Thị N, chị Phạm Thị T, chị Đoàn Thị Hoàng A, Phạm Văn T, Phạm Văn T, Phạm Thị T là: Bà Phạm Thị T – sinh năm 1958; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm 2, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

** Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm 1, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.*

Tại phiên tòa: Có mặt bà T, bà C; Vắng mặt: anh T, anh T, chị G (tức L) có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người còn lại vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29-10-2020, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bà Phạm Thị T là nguyên đơn trình bày như sau:

* Bố bà là cụ Phạm Văn K kết hôn với cụ Bùi Thị B sinh được 03 người con là: Phạm Thị K, Phạm Thị N và Phạm Văn K.

Cụ Bùi Thị B chết ngày 02-9-1951 không để lại di chúc.

Ông Phạm Văn K là liệt sỹ kháng chiến chống Mỹ chết ngày 16-8-1969, không có vợ con.

Bà Phạm Thị K kết hôn với ông Phạm Văn P sinh được 04 người con là Phạm Văn H, Phạm Văn T, Phạm Thị G (tức L) và Phạm Văn D. Bà K chết ngày 10-01-1996, ông P chết 15-8-2012. Hiện nay các con bà K vẫn còn đầy đủ.

Bà Phạm Thị N kết hôn với ông Trần Văn T sinh được 03 người con là: Trần Phạm T, Trần Phạm T và Trần Thị H. Bà N chết ngày 05-4-1998; chị H con bà N bị bệnh thần kinh, bỏ nhà đi từ năm 2009 đến nay không biết tung tích.

Thời điểm sau kết hôn, cụ K và cụ B chung sống trên một thửa đất là thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 400m² (Trong đó 315m² đất ở và 85m² đất vườn), nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m² (trong đó đất ONT là 258m², đất CLN là 228m²); địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là Trần Quốc T.

* Sau khi cụ B chết, năm 1953 thì cụ K chung sống với cụ Phạm Thị L (Tên gọi khác là Phạm Thị K) là mẹ đẻ của bà. Cụ K và cụ L (K) về chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Cụ K và cụ L sinh được 02 người con chung là bà và bà Phạm Thị C. Trước khi chung sống với cụ K thì cụ L (K) có 01 con riêng là bà Phùng Thị V.

Cụ Phạm Văn K chết ngày 15-01-1993; cụ Phạm Thị L (K) chết ngày 26-02-2009, cụ K và cụ L (K) chết không để lại di chúc.

Con riêng của cụ L (K) là bà Phùng Thị V kết hôn với ông Phạm Văn K sinh được 06 người con là Phạm Thị V, Phạm Thị T, Phạm Văn H, Phạm Văn Đ, Phạm Thị T, Phạm Thị N. Bà V chết ngày 21-6-2003, ông K chết ngày 20-01-2001; anh Đ chết ngày 01-7-2019. Anh Đ có vợ là Đoàn Thị Hoàng A và các con là Phạm Văn T, Phạm Văn T, Phạm Thị Thu T.

Cụ K và cụ L (K) chung sống cùng nhau từ năm 1953 đến cuối năm 1960 thì 2 cụ xảy ra mâu thuẫn, cụ K định đuổi cụ L (K) và các con cụ L (K) đi nhưng được họ hàng khuyên bảo, động viên nên cụ K vẫn cho cụ L (K) ở chung cùng nhà nhưng mẹ con cụ L (K) ăn, ở, sinh hoạt riêng trong 01 gian buồng cùng nhà của cụ K ở. Từ năm 1960 đến khi cụ K chết thì giữa 02 cụ không còn quan hệ tình cảm gì, ăn riêng, ở riêng và mọi vấn đề về kinh tế, sinh hoạt không liên quan gì đến nhau. Vì vậy bà T cho rằng quan hệ giữa bố mẹ bà không phải quan hệ vợ chồng.

Bà T xác định trong thời gian chung sống, bố mẹ bà là cụ K và cụ L (K) không có tài sản gì chung.

* Tài sản riêng của cụ L (K) là thửa đất số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 245m², loại đất vườn, đứng tên Phạm Thị K nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN, đứng tên Phạm Thị L, trị giá đất 19.425.000đ.

Nguồn gốc thửa đất: Năm 1967 nhà nước và địa phương có chính sách cấp đất và nhà ở cho nhân dân, lúc này mẹ bà và bố bà không còn chung sống với nhau, mẹ con bà không có đất canh tác nên mẹ bà được cấp diện tích 245m² đất vườn ở thôn T, xã L, huyện V. Mẹ con bà trồng trọt trên thửa đất này đến năm 1983 xã L đo đạc đất đai để lập bản đồ thì thổ đất thuộc thửa số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1983 có diện tích 245m² đất vườn mang tên mẹ bà là Phạm Thị K. Từ năm 2008 xã L lập bản đồ mới thì diện tích đất của mẹ bà thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m² loại đất trồng cây lâu năm đứng tên Phạm Thị L. Qua 02 lần đo theo bản đồ thì diện tích đất của mẹ bà có tăng nhưng bà cũng không biết vì sao đất tăng lên. Mẹ con bà đã trồng trọt ổn định trên thửa đất này từ khi được giao đất đến nay, không tranh chấp gì với các hộ xung quanh.

Khởi di sản chung của cụ K, cụ B và cụ L (K) để lại gồm:

- Thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 400m² (Trong đó 315m² đất ở và 85m² đất vườn), nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m²; đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là ông Trần Quốc T; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp: Phía đông giáp đường đi dài 19,9 mét; phía bắc giáp đất ông T dài 25 mét; phía tây có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đường làng dài 16,4 mét; 01 đoạn giáp đất ông K dài 2,1 mét; phía bắc có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đất ông K dài 8,3 mét; 01 đoạn giáp nhà ông H dài 17,5 mét, trị giá đất ở là 1.000.000đ/m², đất vườn là 75.000đ/m². Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 + bếp + bể nước + sân + lối đi + tường bao sân + tường bao quanh nhà + cổng đã hết khấu hao, giá trị còn lại là 0 đồng. Anh T là người đang quản lý thửa đất này.

Bà T xác định diện tích đất này là di sản thừa kế, bà đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Các tài sản trên đất hiện không còn giá trị sử dụng nếu Tòa án giao đất cho người nào thì người đó được sử dụng những tài sản trên đất được giao.

- Trên diện tích đất thừa kế hiện có 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng, nhà này do anh T xây dựng, không phải là di sản thừa kế. Anh T có nguyện vọng tặng cho người được chia di sản thừa kế là diện tích đất có nhà, bà không có ý kiến gì;

- Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 245m², loại đất vườn, nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại

đất: CLN, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là Phạm Thị L. Đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông L dài 11,7m; phía Nam giáp ngõ đi, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 11,2m và 01 đoạn dài 0,3 mét; Phía Đông giáp đất ông D dài 22,1m; Phía Tây giáp đường làng, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 21,2m và 01 đoạn dài 0,5 mét; trị giá đất: 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà T xác định diện tích đất này là tài sản riêng của cụ Phạm Thị L (Tức Phạm Thị K). Từ khi cụ L (K) chết bà là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất, bà đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản riêng của cụ L (K) để chia cho các đồng thừa kế là con ruột của cụ L (K) gồm có bà, bà C, bà V (Bà V đã chết thì các con bà V được hưởng) theo quy định của pháp luật.

- Trên diện tích đất của cụ L (K) có tường bao và chuồng gà do anh T xây dựng, không phải là di sản thừa kế của cụ L (K), các tài sản này hiện đã hết khấu hao, không còn giá trị sử dụng nên bà không có ý kiến gì.

Nguyên vọng của bà T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế như sau: Hiện nay những người được hưởng thừa kế từ chối nhận di sản thừa kế là anh T, ông T, anh T, anh H, anh D, anh T, chị G (L); Những người còn lại là bà C, chị V, anh H, chị T, chị T, chị N, chị A và các con chị A là T, T, T tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà. Như vậy những người được nhận di sản thừa kế còn lại chỉ còn bà và chị H. Bà T đề nghị chia toàn bộ di sản cho 02 đồng thừa kế theo hiện vật; bà tự nguyện nhận phần di sản thừa kế là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN, tổng trị giá 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m²; địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, trị giá đất ở là 1.000.000đ/m², đất vườn là 75.000đ/m² bà đề nghị giao cho chị H được quản lý, sử dụng. Hiện chị H vắng mặt tại địa phương, không có tin tức, địa chỉ do đó bà đề nghị giao diện tích đất này cho anh T quản lý cho chị H. Bà không đề nghị chị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà.

Các tài sản trên đất ai được chia phần diện tích đất có tài sản thì người đó tiếp tục được quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, anh Trần Phạm T – bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quốc T trình bày:

Lời khai của anh T về mối quan hệ và các con, cháu của cụ K, cụ B, cụ L (Theo anh T tên gọi cụ L là cụ T) giống như lời khai của bà T. Về quan hệ giữa cụ K và cụ L là quan hệ vợ chồng vì 02 cụ có con chung và cùng chung sống trong 01 căn nhà tại thôn T, xã L, huyện V. Anh T xác định cụ B, cụ K và cụ L chết không để lại di chúc.

Đối với 02 thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m²; địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, anh T xác định 02 thửa đất đều là di sản thừa kế của ông ngoại anh là cụ Phạm Văn K để lại. Nguồn gốc 02 thửa đất trước là 01 thửa, sau khi xã làm đường mới bị chia làm 02 thửa. Từ khi ông ngoại anh chết thì bố mẹ anh quản lý khối di sản này. Sau khi mẹ anh mất anh thay mẹ anh quản lý đất này và hương khói, tết, giỗ ông bà và liệt sỹ Phạm Văn K.

Quan điểm của anh T về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án xác định 02 thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn K (ông ngoại anh) để lại và chia thừa kế cho hàng thừa kế của cụ K theo quy định của pháp luật. Các công trình xây dựng trên đất cụ K đã xây không còn giá trị sử dụng, anh không có ý kiến gì.

Trên thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 anh có bỏ tiền của cá nhân anh để xây dựng 01 mái bằng 01 tầng diện tích 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết mà anh tặng lại nhà cho người nào được giao phần đất này. Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 anh có xây một đoạn tường bao và chuồng gà, anh không có ý kiến gì.

Anh từ chối nhận phần di sản thừa kế mà anh được hưởng, phần thừa kế mà bố anh là ông Trần Quốc T và em trai anh là Trần Phạm T tặng cho anh nhất trí nhận đồng thời anh cũng xin từ chối phần di sản được tặng cho này.

Chị Trần Thị H là em gái anh hiện không có mặt tại địa phương, gia đình không biết chị H đang sinh sống ở đâu. Tòa án đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng vẫn chưa có tin tức gì của chị H. Anh là anh trai chị H, anh nhận trách nhiệm quản lý phần tài sản chị H được hưởng đến khi chị H trở về, anh sẽ giao lại tài sản này cho chị H.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị và các văn bản khác - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phạm Thị C trình bày: Bà là con gái của cụ K và cụ L, bà đồng ý hoàn toàn với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Bà đề nghị Tòa án chia khối di sản thừa kế trên của bố mẹ bà theo quy định của pháp luật. Bà xin được tặng cho lại toàn bộ phần di sản thừa kế bà được nhận cho chị gái bà là bà Phạm Thị T, bà không yêu cầu bà T phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà.

- Ông Trần Quốc T trình bày: 02 thửa đất thừa kế có tranh chấp, khi ông về ở thì 02 thửa đất này liền nhau gồm đất ở và đất vườn. Khoảng năm 1970 địa phương làm đường xóm nên thổ đất bị chia làm 02 thửa như hiện nay. Sau khi cụ K chết thì người quản lý 02 thửa đất là ông và bà N, sau khi bà N chết thì ông quản lý và sử dụng cả 02 diện tích đất. Khoảng hơn 01 năm nay bà T mới quay lại nhận

và quản lý đất này. Nếu được hưởng di sản thừa kế thì ông xin tặng lại toàn bộ cho con trai là Trần Phạm T.

- Anh Trần Phạm T trình bày: Anh là con của bà Phạm Thị N và ông Trần Quốc T. Anh được biết cả 02 mảnh đất trên đều là của ông ngoại anh là Phạm Văn K, bà Phạm Thị B và bà ngoại 2 là Phạm Thị T. Nếu được hưởng di sản thừa kế thì anh xin tặng lại toàn bộ cho anh trai là Trần Phạm T.

- Các anh Phạm Văn H, Phạm Văn D, Phạm Văn T và chị Phạm Thị G (tên gọi khác là Phạm Thị L) trình bày: Các anh, chị là con của bà Phạm Thị K (bà K là con gái cụ K và cụ B), bà K đã chết, anh H, anh D, anh T, chị L (G) xin từ chối nhận phần di sản thừa kế.

- Các anh (chị) Phạm Thị V, Phạm Văn H, Phạm Thị T, Phạm Thị T, Nguyễn Thị N và chị Đoàn Thị Hồng A cùng các con Phạm Văn T, Phạm Văn T, Phạm Thị T trình bày: Các anh chị là con, cháu của bà Phùng Thị V (bà V là con riêng của cụ L), hiện nay bà V đã chết. Nếu được chia di sản thừa kế thì đề nghị xin tặng lại toàn bộ cho bà Phạm Thị T và không yêu cầu bà T phải thanh toán lại bất kỳ khoản tiền nào.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị S trình bày: Trên thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 anh T (chồng chị) có bỏ tiền cá nhân anh để xây dựng 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng, mục đích xây dựng kang trang làm nơi thờ cúng ông bà, cậu liệt sĩ và mẹ. Anh T có quan điểm tặng lại người nào được nhận phần đất có gian nhà này, chị không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

+ Áp dụng Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Các điều 610, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 65 của Bộ luật dân sự 2015.

+ Áp dụng Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

+ Áp dụng Khoản a điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

+ Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc đề nghị xác định thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản riêng của cụ Phạm Thị L (tên gọi khác là Phạm Thị K).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Thị B, cụ Phạm Văn K và cụ Phạm Thị L theo pháp luật.

+ Xác định thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m² (Trong đó: đất ONT 315m², Đất CLN 171m²); địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định trị giá thửa đất là: 327.825.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là di sản thừa kế của cụ Bùi Thị B, Phạm Văn K và Phạm Thị L (tên gọi khác là Phạm Thị K). Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định có diện tích 259m², loại đất: CLN trị giá 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn K và Phạm Thị L để chia cho những người được hưởng thừa kế là bà Phạm Thị T và chị Trần Thị H theo pháp luật.

+ Giao bà Phạm Thị T được quản lý và sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN; trị giá thửa đất 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là Phạm Thị L; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, trên đất có một đoạn tường bao và chuồng gà không còn giá trị sử dụng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu chị H phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị về tài sản cho bà T.

+ Giao chị Trần Thị H được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 486m² thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008; đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là ông Trần Quốc T; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 + bếp + bể nước + sân + lối đi + tường bao sân + tường bao quanh nhà + cổng đã hết khấu hao sử dụng, trị giá đất 327.825.000đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đồng thời, chị H được sở hữu các tài sản trên đất do anh T xây dựng gồm: 01 nhà mái bằng 01 tầng 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng. Giao anh Trần Phạm T quản lý toàn bộ phần di sản chị H được nhận đến thời điểm chị H trở về nhận lại tài sản hoặc theo quy định khác của pháp luật.

Các bên không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Phạm T về việc tự nguyện tặng cho các tài sản riêng anh xây dựng trên thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 dựng gồm 01 nhà mái bằng 01 tầng 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng cho người được hưởng di sản thừa kế là chị Trần Thị H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T được miễn án phí, chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 02 thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với chị Trần Thị H – là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Hiện nay chị H bỏ đi khỏi địa phương, người thân của chị H không xác định được nơi cư trú hiện nay của chị H. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị H, Tòa án nhân dân huyện V đã tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa cụ Phạm Văn K với cụ Bùi Thị B và giữa cụ Phạm Văn K với cụ Phạm Thị L (tức Phạm Thị K): Cụ Phạm Văn K có đăng ký kết hôn với cụ Bùi Thị B, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Năm 1951 cụ Bùi Thị B chết, năm 1953 cụ K và cụ L về chung sống với nhau, mặc dù hai cụ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng thực tế có chung sống hòa thuận cùng nhau từ năm 1953 đến năm 1960 và có 02 con chung. Năm 1960 hai cụ có mâu thuẫn nhưng vẫn chung sống trong cùng 01 căn nhà trên cùng 01 thửa đất đến khi cụ K chết. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân của cụ K và cụ L là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận. Do đó Hội đồng xét xử xác định cụ Phạm Văn K có lần lượt 02 người vợ hợp pháp là cụ Bùi Thị B và cụ Phạm Thị L.

Cụ K kết hôn với cụ B, cụ K chung sống với cụ L đều diễn ra vào thời điểm có hiệu lực của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, vì vậy để xác định tài sản chung của vợ chồng cụ K và cụ B, cụ K và cụ L, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 để giải quyết.

[3] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Bùi Thị B chết ngày 02-9-1951; cụ Phạm Văn K chết ngày 15-01-1993; cụ Phạm Thị L chết ngày 26-02-2009; cả 03 cụ chết đều không để lại di chúc. Như vậy xác định thời điểm mở thừa kế đối với khối di

sản của cụ B là ngày 02-9-1951; cụ K là ngày 15-01-1993; cụ L là ngày 26-02-2009.

[4] Về diện và hàng thừa kế:

* Cụ Phạm Văn K và cụ Bùi Thị B có 03 người con là Phạm Thị K, Phạm Thị N và Phạm Văn K. Năm 1951 cụ B chết, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm: Cụ K, ông K, bà K, bà N là phù hợp với Điều 651 Bộ luật dân sự.

* Cụ Phạm Văn K và cụ Phạm Thị L có 02 người con chung là bà Phạm Thị T và Phạm Thị C; cụ Phạm Thị L có 01 người con riêng là bà Phùng Thị V.

- Cụ Phạm Văn K chết năm 1993, thời điểm này con trai cụ là ông Phạm Văn K đã chết năm 1969 (ông K không có vợ, con). Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm: Cụ L, bà K, bà N, bà T, bà C là phù hợp với quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

+ Năm 1996 bà K chết, chồng bà K là ông Phạm Văn P chết năm 2012, các con của bà K là anh Phạm Văn H, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Thị G (tức L) được hưởng kỷ phần thừa kế chuyển tiếp của bà K.

+ Năm 1998 bà N chết, con bà N là các anh Trần Phạm T, Trần Phạm T, Trần Thị H và chồng bà N là ông Trần Quốc T được hưởng kỷ phần thừa kế chuyển tiếp của bà N.

- Cụ Phạm Thị L chết năm 2009, thời điểm này bà Phùng Thị V, con riêng của cụ đã chết vào năm 2003, các con riêng của cụ K xác định không có công nuôi dưỡng cụ L. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm bà T, bà C là phù hợp với quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự; các con bà V là chị V, anh H, chị T, chị T, chị N, anh Đ được hưởng thừa kế thế vị từ bà V của cụ L theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự. Chị Hoàng A, và các con anh Đ là T, T, T được hưởng thừa kế chuyển tiếp từ anh Đ.

* Nguyên vọng của những người được hưởng thừa kế:

- Các anh Trần Phạm T, Phạm Văn H, Phạm Văn D, Phạm Văn T, chị Phạm Thị G (tức L) đều từ chối nhận di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy, việc từ chối nhận di sản thừa kế của anh T, anh H, anh D, anh T và chị L (G) là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bà Phạm Thị C và các anh (chị) Phạm Thị V, Phạm Văn H, Phạm Thị T, Phạm Thị T, Nguyễn Thị N, chị Đoàn Thị Hoàng A và các con chị Hoàng A là Phạm Văn T, Phạm Văn T, Phạm Thị T có đơn xin được tặng cho lại kỷ phần thừa kế của mình cho bà Phạm Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tặng lại di sản thừa kế là của những người này là tự nguyện, không bị ép buộc. Mặt khác, bà T cũng đồng ý nhận kỷ phần thừa kế này nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của

bà C, chị V, anh H, chị T, chị T, chị N, chị Hoàng A và các con chị Hoàng A là T, T, T.

- Ông Trần Quốc T và anh Trần Phạm T có nguyện vọng được tặng lại toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho anh Trần Phạm T. Anh Trần Phạm T đồng ý nhận kỷ phần thừa kế này và xin từ chối toàn bộ phần di sản của ông T và của anh T tặng cho anh. Việc từ chối của anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh T.

Như vậy, xác định những người thừa kế còn lại được hưởng di sản thừa kế là bà Phạm Thị T và chị Trần Thị H.

[5] Về di sản thừa kế:

* Đối với thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 400m² (Trong đó 315m² đất ở và 85m² đất vườn), nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m²; địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định trị giá đất ở là 1.000.000đ/m², đất vườn là 75.000đ/m²: Các đương sự cùng xác định cụ K và cụ B cùng nhau sinh sống trên thửa đất này. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 xác định đây là tài sản chung của cụ K và cụ B. Năm 1951 cụ B chết thì ½ thửa đất là tài sản của cụ K, ½ thửa đất còn lại được xác định là di sản thừa kế của cụ B để chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ B, chia T 04 kỷ phần thừa kế bằng nhau gồm cụ K, bà K, bà N và ông K. Sau khi cụ B chết, năm 1953 cụ K chung sống với cụ Phạm Thị L (tức K), quan hệ giữa cụ K và cụ L là quan hệ hôn nhân thực tế vì vậy ½ thửa đất trên của cụ K và 01 kỷ phần thừa kế của cụ K được hưởng từ cụ B được xác định là tài sản chung của cụ K và cụ L theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

* Đối với thửa số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 245m², loại đất vườn; nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN trị giá 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng): Bà Phạm Thị T xác định đây là tài sản riêng của cụ L vì năm 1967 cụ L được cấp riêng thửa đất này để làm nơi canh tác và thời điểm được cấp đất thì quan hệ vợ chồng giữa cụ K và cụ L đã chấm dứt. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của cụ K và cụ L là hôn nhân thực tế được thừa nhận do đó căn cứ vào Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình xác định thửa đất này là tài sản chung của cụ Phạm Văn K và cụ Phạm Thị L (tức K) để chia cho các đồng thừa kế. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà T xác định thửa đất trên là tài sản riêng của cụ Phạm Thị L (tức K) không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ K và cụ L gồm: ½ thửa đất và 01 kỷ phần thừa kế cụ K được hưởng của cụ B của thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 400m² (Trong đó 315m² đất ở và 85m² đất vườn), nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m²; địa chỉ thửa đất: Xã L,

huyện V, tỉnh Nam Định và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN, địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đối với các tài sản gắn liền với 02 thửa đất trên:

- Tại thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987, nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 các đương sự đều xác định anh Trần Phạm T là người bỏ tiền cá nhân anh ra xây dựng 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng. Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản này mà có nguyện vọng được tặng lại ngôi nhà cho người thừa kế được hưởng phần diện tích đất có ngôi nhà, anh không yêu cầu thanh toán lại bất kỳ khoản tiền nào. Hội đồng xét xử xét thấy, nhà mái bằng trên là tài sản riêng của anh T, tuy nhiên anh T không đề nghị xem xét, giải quyết mà tự nguyện tặng lại cho người nào được hưởng di sản là đất có ngôi nhà vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần tài sản này mà chấp nhận sự tự nguyện của anh T giao ngôi nhà cho người được hưởng phần thừa kế là diện tích đất được quyền sở hữu ngôi nhà này.

- Tại thửa số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 anh T có xây dựng tường bao và 01 chuồng gà; các tài sản này đã hết giá trị sử dụng, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với các tài sản khác gồm: Nhà cấp 4 + bếp + bể nước + sân + lối đi + tường bao sân + tường bao quanh nhà + cổng đã hết khấu hao, giá trị còn lại là 0 đồng; các đương sự cùng đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết mà giao cho ai được hưởng phần diện tích đất có tài sản thì người đó tiếp tục được quản lý và sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với hiện trạng và thực tế giá trị tài sản nên được chấp nhận. Như vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết toàn bộ phần tài sản gắn liền với 02 thửa đất trên mà khi đương sự nào nhận di sản thừa kế là đất thì sẽ được sở hữu toàn bộ tài sản gắn với diện tích đất đó.

* Đối với diện tích đất chênh lệch giữa bản đồ địa chính năm 1983 (Chỉnh lý năm 1987) và bản đồ địa chính 2008 của các thửa đất:

- Đối với thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 400m² (Trong đó 315m² đất ở và 85m² đất vườn), nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m² (Trong đó: đất ONT 258m², Đất CLN 228m²); địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định: So sánh diện tích thửa đất qua các thời kỳ thì Hội đồng xét xử nhận thấy tổng diện tích đất tăng thêm 86m², tuy nhiên đất ở giảm 57m², đất vườn tăng 143m². Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định: Không có văn bản nào thể hiện chủ sử dụng thửa đất xin thay đổi mục đích sử dụng đất từ thời điểm được giao đất đến nay. Mặt khác, bản đồ đo đạc năm 2008 là đo đạc lại hiện trạng đang sử dụng đất của người sử dụng đất, loại đất cũng

được xác định theo loại đất hiện trạng đang sử dụng. Vì vậy để xác định diện tích đất hợp pháp cần phải căn cứ vào bản đồ địa chính đo đạc lần đầu tiên vào năm 1983 (chính lý năm 1987), xác định diện tích đất ở (ONT) của thửa đất là 315m² là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho chủ sử dụng đất. Đối với diện tích đất tăng thêm 86m², Hội đồng xét xử xét thấy, qua khảo sát thực địa được thể hiện qua sơ đồ xác định hiện trạng đất thì diện tích đất tăng thêm thuộc đất vườn, ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại bản đồ địa chính năm 1983 (Chỉnh lý năm 1987) và bản đồ đo đạc năm 2008, không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất liền kề. Vì vậy xác định diện tích đất 86m² là đất vườn hợp pháp của chủ sử dụng đất là phù hợp với Điều 98 Luật đất đai 2013.

Như vậy Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 695, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 400m² (Trong đó 315m² đất ở và 85m² đất vườn), nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m² (Trong đó: đất ONT 258m², Đất CLN 228m²); địa chỉ tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định là di sản thừa kế của cụ B, cụ L, cụ K; diện tích đất cụ thể lấy tổng diện tích đất theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008 là 486m²; Đối với diện tích đất ở và đất vườn lấy theo bản đồ gốc năm 1983 (Chỉnh lý năm 1987), xác định 86m² là diện tích đất vườn tăng thêm được Hội đồng xét xử chấp nhận là đất hợp pháp nên diện tích các loại đất được xác định cụ thể như sau: Đất ONT là 315m², đất CLN là 171m²; trị giá thửa đất là: 327.825.000đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để chia cho các đồng thừa kế.

- Đối với thửa số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987 có diện tích 245m², loại đất vườn; nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN: Hội đồng xét xử xét thấy, qua so sánh bản đồ địa chính qua các thời kỳ và hiện trạng sử dụng đất thì thửa đất tăng thêm 14m². Tuy nhiên, ranh giới của thửa đất không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại bản đồ địa chính năm 1983 (Chỉnh lý năm 1987) và bản đồ đo đạc năm 2008, không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất liền kề. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích đất tăng thêm 14m² là đất hợp pháp của chủ sử dụng đất là phù hợp với Điều 98 Luật đất đai 2013. Vì vậy xác định, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN trị giá 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng) là di sản thừa kế của cụ K và cụ L để chia cho các đồng thừa kế.

[6] Về kỹ phân thừa kế: Xác định phần di sản của cụ B được chia T 04 kỹ phân bằng nhau cho các đồng thừa kế là cụ K, ông K, bà K, bà N mỗi người được hưởng 01 phần; Di sản thừa kế của cụ K được chia T 05 kỹ phân bằng nhau cho các đồng thừa kế là cụ L, bà K, bà N, bà T, bà C mỗi người được hưởng 01 phần; Di sản thừa kế của cụ L được chia T 03 kỹ phân bằng nhau cho các đồng thừa kế là bà T, bà C mỗi người 01 phần; các con bà Vân là chị V, anh H, chị T, chị N, anh Đ được hưởng 01 phần thừa kế thế vị của bà V. Các con của bà K là anh H,

anh D, anh T, chị G (L) từ chối nhận phần di sản thừa kế chuyển tiếp của bà K. anh T từ chối nhận phần di sản thừa kế chuyển tiếp mà anh được hưởng của bà N đồng thời anh T cũng từ chối phần di sản thừa kế mà anh T, ông T tặng cho anh. Bà C và các con cháu bà V tặng lại phần di sản mình được hưởng cho bà T.

Như vậy, những người hưởng di sản thừa kế chỉ còn 02 người là bà T và chị H.

[7] Việc chia di sản thừa kế:

Bà Phạm Thị T tự nguyện nhận di sản thừa kế là diện tích đất vườn thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN đứng tên Phạm Thị L trên bản đồ địa chính của xã L. Diện tích đất còn lại là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m² loại đất ONT 315m², đất CLN 171m², đứng tên ông Trần Quốc T trên bản đồ địa chính xã L, bà đề nghị chia cho đồng thừa kế còn lại chị Trần Thị H, bà tự nguyện không yêu cầu chị H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà. Các tài sản trên đất không còn giá trị sử dụng, tài sản trên đất của ai người đó được sở hữu.

Chị Trần Thị H bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được nơi cư trú hiện nay của chị H. Anh Trần Phạm T là anh trai chị H nhất trí nhận quản lý tài sản của chị H bà không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của các đương sự và phân chia di sản thừa kế như sau :

- Nguyện vọng của bà T được nhận diện tích đất vườn tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là Phạm Thị L, trị giá thửa đất 19.425.000đ là phù hợp bởi lẽ: Phần diện tích đất này khi cụ L còn sống mẹ con bà trực tiếp canh tác, sử dụng. Hiện nay bà T cũng là người đang quản lý và sử dụng diện tích đất này do đó Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của bà T: Giao bà T được quản lý, sử dụng diện tích đất vườn tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là Phạm Thị L, trị giá thửa đất 19.425.000 đồng.

- Đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 Hội đồng xét xử sẽ giao chị Trần Thị H được quản lý và sử dụng bởi lẽ trước khi bỏ đi khỏi địa phương cả gia đình chị H đang sinh sống trên thửa đất này. Chị H chưa có chồng con, chưa có nhà ở; nhà mái bằng trên diện tích đất do anh T, anh trai chị H xây dựng ... Như vậy di sản thừa kế chị H được chia là diện tích đất 486m² (trong đó đất ONT là 315m², đất CLN là 171m²) thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008; đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là ông Trần Quốc T; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh

Nam Định. Đồng thời chị H được sở hữu tài sản riêng anh T tặng cho trên diện tích đất là 01 nhà mái bằng 01 tầng 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng. Chị H hiện không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có tin tức, địa chỉ của chị H. Tòa án chỉ định anh Trần Phạm T - anh trai chị H là người đại diện theo pháp luật cho chị H quản lý toàn bộ phần tài sản chị H được nhận đến khi chị H trở về nhận lại tài sản hoặc theo quy định khác của pháp luật là phù hợp với Điều 65 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu chị H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà.

[8] Về phần nghĩa vụ tài sản, cũng như các nội dung khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Các tài sản trên đất không còn giá trị sử dụng, bà T và anh T đều không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mà tự nguyện tặng cho các tài sản này cho ai được hưởng phần thừa kế là diện tích đất có tài sản đó. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của bà T và anh T.

[10] Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Luật người cao tuổi nên được miễn án phí tài sản; chị Trần Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 610, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 65 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 665, tờ bản đồ số 12 lập năm 1987, loại đất vườn, nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản riêng của cụ Phạm Thị L (tên gọi khác là Phạm Thị K).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Thị B, cụ Phạm Văn K và cụ Phạm Thị L theo quy định của pháp luật.

- Xác định thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích 486m² (Trong đó: đất ONT 315m², Đất CLN 171m²); địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định trị giá thửa đất là: 327.825.000 (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là di sản thừa kế của cụ Bùi Thị B, cụ Phạm Văn K và cụ Phạm Thị L (K). Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008; địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định có diện tích 259m², loại đất: CLN trị giá 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn K và cụ Phạm Thị L (K). Các di sản thừa kế này được chia cho bà Phạm Thị T và chị Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

- Giao bà Phạm Thị T được quyền quản lý và sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 54, lập năm 2008 có diện tích 259m², loại đất: CLN, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là Phạm Thị L, trị giá thửa đất 19.425.000đ (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng); địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông L dài 11,7m (6-1); phía Nam giáp ngõ đi, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 11,2m (2-3) và 01 đoạn dài 0,3 mét (3-4); Phía Đông giáp đất ông D dài 22,1m (1-2); Phía Tây giáp đường làng, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 21,2m (6-5) và 01 đoạn dài 0,5 mét (4-5), trên đất có tường bao và chuồng gà không còn giá trị sử dụng; trị giá đất bà T được quản lý, sử dụng là 19.425.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu chị H phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà.

- Giao chị Trần Thị H được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008 có diện tích đất 486m² (trong đó đất ONT là 315m², đất CLN là 171m²), địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đứng tên trên bản đồ địa chính xã L là ông Trần Quốc T, trị giá thửa đất 327.825.000đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp: Phía đông có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đường làng dài 19,9 mét (2-3), 01 đoạn dài 2,1 mét (5-6) giáp đất ông K; phía bắc giáp đất ông T, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 25 mét (1-8) và 01 đoạn dài 0,8 mét (1-2); phía tây có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đường làng dài 16,5 mét (7-8); 01 đoạn giáp đất ông K dài 2,1 mét (5-6); phía bắc có 03 đoạn: 01 đoạn giáp đất ông K dài 8,3 mét (6-7), 02 đoạn giáp nhà ông H, 01 đoạn dài 3,2 mét (4-5), 01 đoạn dài 14,3 mét (3-4), tổng giá trị đất là 327.825.000 (Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tài

sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 + bếp + bể nước + sân + lối đi + tường bao sân + tường bao quanh nhà + cổng đã hết khấu hao sử dụng.

+ 01 nhà mái bằng 01 tầng 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng là tài sản riêng anh T tặng cho chị H. Nhà được xây dựng trên thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54 lập năm 2008, địa chỉ thửa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Giao anh Trần Phạm T quản lý toàn bộ các tài sản chị H được nhận đến khi chị H trở về nhận lại tài sản hoặc theo quy định khác của pháp luật.

- Các bên không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo).

5. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Phạm T về việc tự nguyện tặng cho 01 nhà mái bằng 01 tầng 18,81m², trị giá 48.401.000 đồng cho người được quản lý, sử dụng diện tích đất là chị Trần Thị H.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T được miễn án phí tài sản.

- Chị Trần Thị H phải nộp số tiền án phí tài sản là 16.391.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm chín một nghìn đồng).

Bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm